

TÍNH KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO, ĐẠO GIÁO, PHẬT GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

INHERITANCE AND DEVELOPMENT OF CONFUCIAN, TAOIST, BUDDHIST
ETHICAL VALUES IN HO CHI MINH'S MORAL THOUGHTS

NGUYỄN THỊ THU THỦY(*)

TÓM TẮT: Trong toàn bộ di sản mà Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc ta, tư tưởng đạo đức chiếm vị trí vô cùng quan trọng, là nguồn sức mạnh to lớn góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh, quy tụ những giá trị đạo đức tinh túy nhất của nhân loại. Trong đó, các giá trị đạo đức Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, nhân cách đạo đức và lối sống của Hồ Chí Minh. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích để làm rõ tính kế thừa và phát triển sáng tạo các giá trị đạo đức Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo của Hồ Chí Minh trong tư tưởng đạo đức của Người.

Từ khóa: đạo đức; Nho giáo; Đạo giáo; Phật giáo; tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

ABSTRACT: In the entire legacy that Ho Chi Minh left for our nation, his moral thoughts occupies a very important position, they are a tremendous source of power contributing to the victory of the Vietnam Revolution. Ho Chi Minh's moral thoughts are a crystallisation, gathering the most essential values of morality of mankind. In it, Confucian, Taoist and Buddhist ethical values have a profound influence on the thoughts, moral personality, and lifestyle of Ho Chi Minh. In this article, we analyse in order to highlight the inheritance and creative development of Confucian, Taoist and Buddhist ethical values of Ho Chi Minh in his moral thoughts.

Key words: morality; Confucianism; Taoism; Buddhism; Ho Chi Minh's moral thoughts.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bằng trí tuệ uyên bác, lối tư duy sắc bén và cách phân tích, đánh giá hết sức tài tình, Hồ Chí Minh đã chắt lọc những hạt nhân hợp lý về đạo đức của nhân loại, đặc biệt là các giá trị đạo đức của Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo để hình thành nên tư tưởng đạo đức của Người. Người viết, “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại” [8, tr.357]. Vì vậy, điểm nhấn ghi dấu ấn của Hồ Chí Minh khi tiếp cận các giá trị đạo đức của Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo thể hiện ở chỗ, Người đã

kế thừa và phát triển sáng tạo các tư tưởng đạo đức ấy phù hợp với văn hóa, con người và thực tiễn xã hội Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Đạo đức học Nho giáo

Với tư cách là một học thuyết về đạo đức và các mối quan hệ đạo đức cơ bản của xã hội, Nho giáo được du nhập vào nước ta khoảng đầu Công nguyên và có ảnh hưởng lớn đối với Việt Nam. Trong quá trình phát triển của mình, Nho giáo ở Việt Nam đã được bổ sung, phát triển, mang những đặc điểm riêng cho phù hợp

(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, thuy.ntt@vlu.edu.vn, Mã số: TCKH23-23-2020

với văn hóa và nhu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Sinh Cung (Hồ Chí Minh) sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho yêu nước, lại được học với những người thầy nổi tiếng như Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý, Trần Thân,... Vì vậy, những tư tưởng, lễ nghi, đạo đức của Nho giáo được Người tiếp cận và tiếp thu ngay từ khi còn nhỏ. Người đã tiếp thu các giá trị tư tưởng của Nho giáo, đặc biệt là tư tưởng đạo đức Nho giáo trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng mácxít. Nho giáo mà Hồ Chí Minh tiếp thu chủ yếu thể hiện trong Tứ thư, Ngũ kinh - Nho giáo thời Tiên Tần với các đại biểu xuất sắc như Khổng Tử, Mạnh Tử. Tư tưởng đạo đức của Nho giáo đã ảnh hưởng đến Hồ Chí Minh một cách sâu sắc từ những phạm trù như *trung, hiếu, nhân, nghĩa, lễ, trí, dũng, liêm*... đến phương pháp tư duy, triết lý sống và thực hành đạo đức của Người. Đạo đức Nho giáo thấm vào tư tưởng tình cảm của Hồ Chí Minh không phải là những giáo điều “tam cương”, “ngũ thường” nhằm bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến, mà là tinh thần “nhân nghĩa”, đạo “tu thân”, sự ham học hỏi, đức “khiêm tốn”, tính “hòa nhã”, cách đối nhân xử thế “có lý, có tình”... Năm 1923, khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Liên Xô - Ôxíp Mandenxtam, Hồ Chí Minh cho rằng “*Tôi sinh ra trong một gia đình nhà nho An Nam... Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo, đồng chí chắc biết Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó người ta đưa ra khái niệm về “thế giới đại đồng”*” [5, tr.461].

Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tích cực của đạo đức Nho giáo, đồng thời phê phán, loại bỏ yếu tố tiêu cực của nó. Dưới chế độ xã hội phong kiến Trung ương tập quyền, phạm trù “trung”, “hiếu” trong tư tưởng đạo đức của Nho giáo với nghĩa hết sức hạn hẹp, “Trung” là “trung quân”, tức là trung

với vua, hết lòng hết sức vì vua; “hiếu” là hiếu thảo với với cha mẹ, anh em trong gia đình phải hòa thuận. Từ khái niệm “Trung”, “Hiếu” của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển thành nội dung mới, mang tính cách mạng và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Bởi theo Người đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều, vì vậy đạo trung, hiếu ngày nay cũng cao rộng hơn, đó là *trung với nước, hiếu với dân*. Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất hàng đầu trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đây cũng là một trong những phẩm chất chung, cơ bản của con người Việt Nam - cũng là một trong những chuẩn mực chung nhất của nền đạo đức mới - đạo đức cách mạng. So với tư tưởng của Nho giáo thì *trung* trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang một nội hàm hoàn toàn mới. Tư tưởng *trung, hiếu* trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ bó hẹp trong phạm vi đạo hiếu của con cái đối với cha mẹ. Bởi nhân dân lao động là những người chủ của đất nước, vậy nên *trung với nước* phải gắn liền với *hiếu với dân*, mà cụ thể đó chính là trung thành, tận tụy với nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ và hết sức hết lòng vì Tổ quốc, vì nhân dân.

Nho giáo rất coi trọng giáo dục, đặc biệt là giáo dục đạo đức, coi đức là gốc; đồng thời, đề cao văn hóa lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học với châm ngôn “Học không biết chán, dạy không biết mỏi”; từ cải tạo con người đi đến cải tạo xã hội. Tất cả những giá trị trên được Hồ Chí Minh kế thừa, sử dụng một cách nhuần nhuyễn trong tư duy và trong thực tiễn hoạt động cách mạng của Người. Hồ Chí Minh coi trọng việc “trồng người” nhằm để đào tạo ra những công dân vừa có đức vừa có tài cho nước nhà.

Trong quan điểm của mình, Khổng Tử cho rằng: “*Mình phải chính tâm tu thân*” nghĩa là việc gì cũng phải làm kiểu mẫu và có như vậy mới “trị quốc, bình thiên hạ” được. Trong đó, Nho giáo lấy “tu thân” làm căn bản, lấy xây dựng luân lý gia tộc làm nền tảng và khởi đầu

cho việc xây dựng đạo đức xã hội. Nho giáo coi việc tu thân là nhiệm vụ hàng đầu từ nhà vua cho đến dân thường. Tu thân là tu sửa bản thân mình cho ngay chính, cho phù hợp với đạo đức. Vì vậy, “tu thân” trong đạo đức học Nho giáo là tự trau dồi, tu dưỡng bản thân theo các chuẩn mực như nhân, lễ, nghĩa, trí, trung, tín, hiếu, đễ, thành, kính... nhằm góp phần hoàn thiện con người về mặt đạo đức. Vì lẽ đó, nó đặt ra yêu cầu và đòi hỏi khắt khe sự nỗ lực phấn đấu, sự thành thật nhận lỗi và sửa lỗi của mỗi cá nhân, đặc biệt là những bậc thánh nhân, người quân tử, người cầm quyền.

Kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng “tu thân” của Nho giáo, Hồ Chí Minh cho rằng: *“Trị quốc bình thiên hạ đây chính là kháng chiến đánh Pháp, kiến quốc xây dựng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình thế giới. Muốn cải tạo xã hội thì lòng mình phải cải tạo. Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã hội. Lòng mình còn tham ô, lãng phí, muốn cải tạo xã hội làm sao được”* [9, tr.113]. Hồ Chí Minh đã nâng quan điểm tu thân của Nho giáo lên tầm cao mới tạo nên bản chất của tu thân trong việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Theo Hồ Chí Minh: *“Muốn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”* [7, tr.280]. Đạo đức và sự tu dưỡng đạo đức là cái gốc, nền tảng của người cán bộ, do đó, tu thân trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh chính là tu dưỡng đạo đức cá nhân. Và lẽ đương nhiên, đối với cán bộ, đảng viên thì việc rèn luyện đạo đức cách mạng là thiết yếu và quan trọng để hoàn thành trọng trách vẻ vang đối với nhân dân.

Hồ Chí Minh cũng đã chỉ ra những hạn chế của đạo đức Nho giáo và tư tưởng của Khổng Tử. Ra đời trong bối cảnh xã hội có nhiều biến cố thăng trầm, vì vậy học thuyết đạo đức Nho giáo mong muốn duy trì trật tự xã hội và nhằm phụng sự quyền lợi cho giai cấp phong kiến, nhưng lại đi ngược lại tiến bộ của lịch sử và lợi ích của nhân dân. Những yếu tố

tiêu cực mang tính duy tâm, lạc hậu như tư tưởng phân biệt đẳng cấp, coi thường phụ nữ và lao động chân tay,... trong xã hội. Khi du nhập vào Việt Nam, *“Người Việt vẫn từ chối tư tưởng gia trưởng nặng nề, xem khinh phụ nữ của người Hán”* [1, tr.741]. Đối với Hồ Chí Minh, Người luôn đề cao vai trò của phụ nữ và xem đây là một trong những nhiệm vụ cao cả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa - giải phóng phụ nữ. Bởi, phụ nữ là một nửa của xã hội, *“Nếu không giải phóng phụ nữ thì xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”* [10, tr.300]. Quan điểm này là một bước tiến mang tính cách mạng trong tư tưởng đạo đức của Người khi xem trọng vai trò to lớn của phụ nữ trong xã hội. Hồ Chí Minh nhắc nhở rằng, những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của V.I.Lê-nin. Khi nhận xét về học thuyết Khổng Tử, Hồ Chí Minh cho rằng, *“tuy Khổng Tử là phong kiến và trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng, song có những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”* [8, tr.356].

Hồ Chí Minh đã kế thừa có chọn lọc những nhân tố tích cực của Nho giáo, vận dụng và phát triển cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Lại Quốc Khánh cho rằng, *“Hồ Chí Minh khai thác di sản tư tưởng Nho giáo trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng mácxít”* [4, tr.20]. Bằng bản lĩnh chính trị của mình, Hồ Chí Minh đã khai thác di sản tư tưởng đạo đức Nho giáo với phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và khoa học.

2.2. Đạo đức trong Đạo giáo

Lão Tử (khoảng thế kỷ thứ VI-V TCN) được coi là ông tổ của Đạo giáo. Toàn bộ tư tưởng của Lão Tử được trình bày một cách cô đọng trong tác phẩm *Đạo đức kinh* với ba vấn đề cơ bản đó là: tư tưởng về “đạo” (những vấn đề về bản thể luận); tư tưởng về phép biện chứng; học thuyết “vô vi” (những vấn đề về đạo đức, nhân sinh và

chính trị - xã hội). Trong tư tưởng về “Đạo vô vi”, mặc dù Lão Tử đề cao mặt tự nhiên của con người, xem nhẹ và phủ nhận mặt xã hội nhưng ở đây có thể thấy rằng: *“Quan điểm “vô vi” của Lão Tử vẫn biểu hiện sâu sắc nghệ thuật sống, thái độ ứng xử của con người, phương pháp trị nước của vua chúa hay bộ máy nhà nước, và đây cũng chính là chỗ tập trung giá trị hệ thống triết học của ông”* [1, tr.293]. Vô vi là phương pháp sống tự nhiên, sự mộc mạc, thuần phác, không bị gò ép, là nghệ thuật sống của con người trong sự hòa nhập với thiên nhiên. Lão Tử cho rằng, đừng để cho cái ham muốn riêng của mình chi phối, mà làm theo cái tự nhiên có sẵn trong trời đất và trong lòng người thì chẳng những không nhọc sức mà không cái gì không làm được. Lão Tử nhấn mạnh, nếu ta vô vi thì nhân dân tự nhiên ngay thẳng, không dục vọng.

Triết lý vô vi của Đạo giáo có ảnh hưởng đến triết lý sống, phong cách và nhân cách đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phong cách Hồ Chí Minh chính là sự trải nghiệm, đúc kết những kinh nghiệm suốt cuộc đời hoạt động đầy cam go thử thách trong mọi hoàn cảnh. Đó là phong cách ung dung, tự tại, là sự kết tinh giữa cái tự nhiên, bình dị, gần gũi với cái vĩ đại, lớn lao. Phong cách Hồ Chí Minh mang tầm vóc đạo đức, văn hóa của một vị lãnh tụ, song lại rất gần gũi với lối suy nghĩ, việc làm hàng ngày của mỗi người.

Suốt thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam (từ ngày 29-8-1942 đến ngày 10-9-1943), Nguyễn Ái Quốc bị giải đi khắp 30 nhà tù ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Đây cũng là thời gian khó khăn nhất, bị giam cầm dài nhất trong suốt quãng đời hoạt động cách mạng của Người. Mặc dù ở trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, tóc bạc, mắt mờ, ốm đau đến kiệt sức, nhưng chỉ một tiếng sáo của người bạn tù, hay cảnh vợ chồng người bạn tù bên song sắt... tất cả đều động đến lòng trắc ẩn của Người. Đây chính là sự rung động, sự cảm thông và sẻ chia tình người của người chiến sĩ

cộng sản. Từ năm 1942 đến năm 1943, khi ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Người đã viết tác phẩm “Ngục trung nhật ký” (Nhật ký trong tù) với những câu thơ tứ tuyệt đầy cảm xúc và suy tư. Dù bị giam cầm nhưng Người vẫn giữ tâm hồn lạc quan, ung dung tự tại, “thân thể ở trong lao” nhưng “tinh thần ở ngoài lao”. Tâm hồn Người luôn luôn hướng về Tổ quốc, về nhân dân với niềm tin sắt đá vào ngày mai tươi sáng, luôn tin tưởng ngày trở về với đồng chí, đồng bào.

Năm 1941, Hồ Chí Minh về nước và trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Trong thời gian ở chiến khu Việt Bắc thiếu thốn gian khổ đủ bề nhưng Người vẫn giữ tinh thần lạc quan cách mạng. Lối sống giản dị, tác phong cần kiệm đã trở thành thói quen, thành nếp sống của Người. Ngoài thời gian làm việc của mình, Người còn tăng gia sản xuất, trồng rau, thực hiện tiết kiệm như tất cả mọi người dân Việt Nam lúc bấy giờ.

Hồ Chí Minh là tấm gương về đạo đức và tác phong gương mẫu, hy sinh vì lợi ích của dân, lo cho hạnh phúc cho nhân dân nhằm phụng sự cho mục tiêu giành độc lập, tự do cho dân tộc. Suốt cả cuộc đời mình, Người sống thanh cao, không màng danh lợi, yêu thiên nhiên và hòa quyện vào thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm bạn. Trong mọi hoàn cảnh khó khăn gian khổ nhất nhưng Hồ Chí Minh vẫn làm thơ, viết sách, câu cá,... Trả lời các nhà báo nước ngoài, ngày 21-1-1946, Hồ Chí Minh chỉ mong ước rằng, *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước tôi được hoàn toàn độc lập, dân tôi được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc, để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”* [6, tr.187].

Hồ Chí Minh là hiện thân của lối sống giản dị, thư thái, ung dung, tự tại, lối sống cởi mở với thiên nhiên, không gượng ép, chân

thành và trung thực với bản thân, trong ứng xử với mọi người. Đạo là sống thuận tự nhiên, nếu ta nắm được đạo thì con người chúng ta sẽ sống ung dung tự tại, giản dị, thanh tao, không màng đến vật chất, danh lợi - đó cũng là triết lý sống và phong cách của Hồ Chí Minh.

2.3. Đạo đức trong Phật giáo

Những quan điểm tích cực trong tư tưởng của Phật giáo như lòng nhân ái, vị tha, hòa hiếu, bình đẳng, cứu khổ, cứu nạn, đứng về phía người nghèo khổ,... trở nên gần gũi với con người, phù hợp với triết lý đạo đức nhân sinh, cũng như phong tục tập quán của nhân dân Việt Nam. Vì lẽ đó, những tư tưởng tích cực của Phật giáo đã đi vào đời sống tinh thần dân tộc và được đông đảo người Việt Nam tiếp nhận. Phật giáo khi du nhập vào Việt Nam đã cùng với chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, hình thành nên những thiền phái nhiều tiên bộ như Thiền phái Trúc lâm Việt Nam. Đây là thiền phái chủ trương sống gắn bó với đời sống của nhân dân, với đất nước, tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù xâm lược để giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân.

Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng từ Phật giáo là tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân của đạo đức Phật giáo. Khi đất nước chìm đắm trong nô lệ, tình yêu thương con người của Người thể hiện ở nỗi đau của một người dân mất nước đối với những con người cùng khổ, nô lệ lầm than. Vì vậy, mục tiêu cách mạng mà Hồ Chí Minh hướng tới đó là giải phóng dân tộc, giành độc lập cho dân tộc. Khi đất nước được giải phóng, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nhấn mạnh, phải xây dựng một xã hội giàu mạnh vì lợi ích của nhân dân, nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tình thương của Người không chỉ dành cho con người Việt Nam mà cả những người bị áp bức, bóc lột, những người cùng khổ không phân biệt màu da trên toàn thế giới. Người nói

“Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người... vì lẽ gì... mà đem máu quý báu của thanh niên Pháp đổ trên non nước Việt Nam... cần phải bắt tay nhau... gây dựng hạnh phúc chung” [6, tr.510]. Đối với những người lầm đường lạc lối, theo Hồ Chí Minh, phải khoan hồng, rộng lượng để họ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Người nói *“Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... thì Nhà nước phải vừa dùng giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở thành những người lao động lương thiện”* [11, tr.617]. Hồ Chí Minh là hiện thân của lòng nhân ái, độ lượng, khoan dung, trong sạch, giản dị và khiêm nhường.

Tấm gương đạo đức trong sáng, cao đẹp của Hồ Chí Minh có sức lan tỏa kỳ diệu, lay động, cảm hóa kỳ diệu đối với tất cả mọi người xung quanh, trong đó có cả những người lầm lỡ, thậm chí cả kẻ thù ở bên kia chiến tuyến. Ép-Giê-Nhi Ca-Bê-Lép đã nhận định về Hồ Chí Minh rằng: *“Người là tấm gương sáng cho tất cả những người cộng sản Việt Nam, cho toàn thể nhân dân Việt Nam về việc phải chăm lo lợi ích xã hội, phải lôi cuốn quần chúng theo mình, phải tổ chức phong trào thi đua, phải ủng hộ tất cả những gì tiên tiến, tích cực, phải mở rộng phê bình và tự phê bình, phải đấu tranh cho kỷ luật sắt, phải nâng cao nhiệt tình của quần chúng, phải động viên các tầng lớp nhân dân rộng rãi đứng lên đấu tranh quyết liệt chống kẻ thù, lập chiến công và xả thân cho tự do, độc lập của Tổ quốc”* [12, tr.254].

3. KẾT LUẬN

Với năng lực, trí tuệ uyên bác, óc phê phán tinh tường, Hồ Chí Minh đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo các giá trị đạo đức của Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo phù hợp với thực tiễn cách mạng và con người Việt Nam. *“Trên hành trình cứu nước, đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa thu hái, vừa gạn lọc để có thể từ tầm cao của tri thức nhân loại mà suy nghĩ và*

lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển” [3, tr.35]. Võ Nguyên Giáp cũng đã nhận định, đạo đức Hồ Chí Minh “có sự kết hợp giữa đạo đức của giai cấp công nhân với truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa đạo đức nhân loại” [2, tr.273]. Vì vậy, tư tưởng đạo đức

Hồ Chí Minh rất dung dị, gần gũi nhưng hiện đại, khoa học, tư tưởng ấy vẫn giữ được cốt cách truyền thống của dân tộc Việt Nam và có sự tiếp thu các giá trị đạo đức của nhân loại tiến bộ nhưng được phát triển nâng lên một tầm cao mới - đạo đức cách mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Doãn Chính (2015), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Võ Nguyên Giáp (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lê-nin (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Lại Quốc Khánh (2014), *Hồ Chí Minh với vấn đề khai thác di sản tư tưởng Nho giáo*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 10.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Ép-Giê-Nhi Ca-Bê-Lép (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, tập II, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 13-8-2020. Ngày biên tập xong: 24-8-2020. Duyệt đăng: 24-9-2020